

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 45/2023/DS-ST

Ngày: 19-9-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Trần Nhị Hường

2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST- DS ngày 18/8/2023; quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T T T H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 3, thị trấn T K, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông T V T, sinh năm 1979

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà L T L, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T K, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2023, bản tự khai ngày 04/7/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà T T T H trình bày:

Bà H có quen biết ông T V T do là bạn chơi chung ngoài xã hội, bà H và ông T không có quan hệ họ hàng gì.

Ngày 19/01/2023 bà H có cho ông T V T vay số tiền 440.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 1,6%/tháng/440.000.000đ có làm giấy hợp đồng cầm đồ kèm phiếu chi tiền và ông T, bà H có ký tên. Ông T có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 514, tờ bản đồ 34 số sổ phát hành BM

658582, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03101 do UBND huyện Hớn Quản cấp ngày 03/4/2013 đứng tên ông T V T, bà L T L. Việc thế chấp có ủy quyền của vợ là bà L cho ông T. Nội dung thế chấp ghi trong hợp đồng vay nợ và không có công chứng; ông T đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H giữ. Số tiền vay 440.000.000đ ông T cam kết sau 3 tháng (tức ngày 19/4/2023) sẽ trả. Ông T vay tiền để làm ăn. Khi đến hạn bà H đi đòi nhiều lần nhưng ông T hứa lần và không thanh toán tiền vay gốc và lãi cho bà H.

Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc ông T có trách nhiệm trả bà H tổng số tiền vay gốc 440.0000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và yêu cầu trả tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận là 1,6% tính từ ngày vay 19/01/2023 đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm. Cụ thể: $440.0000.000 \text{ đồng} \times 1,6\% \times 08 \text{ tháng}$ 01 ngày (từ ngày vay 19/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/9/2023) = 56.343.500 đồng. Bà H không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tại tòa. Bà H sẽ hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang giữ cho ông T. Ông T vay tiền để sử dụng vào mục đích riêng nên chỉ yêu cầu một mình ông T thanh toán mà không yêu cầu các thành viên gia đình cùng thanh toán nợ.

Bị đơn ông T V T vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 02/8/2023, quá trình hòa giải ông T trình bày:

Tôi có quen biết bà T T T H ngoài xã hội, tôi và bà H không có quan hệ họ hàng gì. Ngày 19/01/2023 có vay bà H số tiền 440.0000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), có làm giấy hợp đồng cầm đồ kiêm phiếu chi tiền và tôi có ký tên. Tôi có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 514, tờ bản đồ 34 số sổ phát hành BM 658582, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03101 do UBND huyện Hớn Quản cấp ngày 03/4/2013 đứng tên ông T V T, bà L T L. Việc thế chấp có ủy quyền của bà L cho tôi. Số tiền 440.0000.000đ tôi cam kết sau 3 tháng (tức ngày 19/4/2023) sẽ trả. Tôi mượn tiền để làm ăn. Tới nay đã quá hạn nhưng tôi không trả cho bà H do khó khăn về kinh tế.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền vay còn nợ, trong đó yêu cầu trả nợ gốc 440.0000.000 (Bốn trăm bốn mươi triệu) đồng, và tiền lãi tính từ ngày 19/01/2023 thì ông T đồng ý. Ông T yêu cầu bà H hoàn trả lại cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà H đang giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L T L vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 03/8/2023, bà L trình bày:

Bà L có ủy quyền cho ông T đi thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 514, tờ bản đồ 34 số sổ phát hành BM 658582, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03101 do UBND huyện Hớn Quản cấp ngày 03/4/2013 đứng tên ông T V T, bà L T L. Tuy nhiên ông T vay tiền bà H thì bà L không biết và việc vay tiền không liên quan đến bà L, ông T vay tiền thì ông T có nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản phát biểu như sau :

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến

trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã triệu tập hợp lệ để ông T V T, bà L T L đến Tòa án làm việc. Ông T chỉ nộp cho tòa án bản khai và tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa, bà L chỉ nộp bản tự khai, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa ông T, bà L cũng vắng mặt lần thứ hai liên tiếp nên xem như từ bỏ quyền lợi của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào các lời khai của đương sự được xem xét tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền cho vay gốc. Buộc ông T V T thanh toán cho bà T T T H số tiền 440.0000.000 đồng trong hợp đồng vay tài sản. Đối với yêu cầu tính lãi bà H yêu cầu ông T thanh toán tiền lãi như thỏa thuận 1,6%/tháng/số tiền vay, thời gian từ ngày 19/01/2023 là phù hợp so với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà H về tiền lãi. Khi bà H và ông T giao kết hợp đồng vay tài sản, ông T có thể chấp quyền sử dụng đất tại thửa số thửa đất số 514, tờ bản đồ 34 số sổ phát hành BM 658582, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03101 do UBND huyện Hớn Quản cấp ngày 03/4/2013 đứng tên ông T V T, bà L T L để đảm bảo cho khoản vay. Tuy nhiên, bà H chỉ yêu cầu ông T thanh toán tiền vay và lãi mà không yêu cầu xử lý về tài sản thế chấp nên đề nghị không xử lý. Việc ông T thế chấp quyền sử dụng đất nhằm đảm bảo số tiền vay thể hiện trong hợp đồng vay mà không được công chứng là vi phạm quy định tại Điều 500 và 502 của Bộ luật dân sự nên hợp đồng này không hợp pháp nên vô hiệu. Hiện bà H đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 514, tờ bản đồ 34 số sổ phát hành BM 658582, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03101 do UBND huyện Hớn Quản cấp ngày 03/4/2013 đứng tên ông T V T, bà L T L, đề nghị tuyên bà H hoàn trả lại cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Bà T T T H khởi kiện ông T V T yêu cầu ông T thanh toán tiền vay nợ và tiền lãi chậm trả. ông T V T có nơi cư trú tại Khu phố 2, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi Tòa án đã thụ lý đơn kiện, thụ lý vụ án của bà T T T H đối với ông T V T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản,

tỉnh Bình Phước đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông T, bà L đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa ông T, bà L cũng vắng mặt lần thứ hai liên tiếp nên xem như từ bỏ quyền lợi của mình nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét hợp đồng vay tài sản ngày 19/01/2023 giữa bà T T T H và ông T V T: Ngày 19/01/2023 ông T V T có vay của bà T T T H số tiền 440.0000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay nợ là giấy hợp đồng cầm đồ kiêm phiếu chi tiền và có chữ ký của hai bên; ông T vay tiền với mục đích làm ăn, thời hạn vay là 03 tháng với lãi suất thỏa thuận 1,6%/tháng/440.0000.000 đồng nhưng ông T chưa thanh toán cho bà H khoản tiền nào cả gốc và lãi khi đến hạn, mặc dù bà H đi đòi nhiều lần là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên bà H khởi kiện ông T thanh toán tiền vay gốc để thu hồi vốn và tiền lãi chậm trả là phù hợp nên cần buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán số tiền đã vay và lãi cho nguyên đơn nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người cho vay.

2.2 Đối với mức lãi suất các bên thỏa thuận: Khi bà H cho ông T vay tiền thỏa thuận lãi suất 1,6%/tháng, đến nay ông T vẫn chưa thanh toán và nay bà H yêu cầu ông T thanh toán lãi như thỏa thuận, cụ thể: 440.0000.000 đồng $\times$ 1,6% $\times$ 08 tháng 01 ngày (từ ngày vay 19/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/9/2023) = 56.343.500 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc các đương sự thỏa thuận hợp đồng vay có kỳ hạn nhưng thỏa thuận mức lãi suất 1,6%/tháng/số tiền vay là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; theo quy định thì các bên có thể thỏa thuận lãi suất nhưng không vượt quá 20%/năm/số tiền vay tức 1,67%/tháng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà T T T H về mức lãi suất. Buộc ông T V T phải thanh toán cho bà T T T H số tiền lãi trên số tiền vay với mức lãi suất bà H yêu cầu là 1,6%/tháng đối với số tiền vay, tương ứng thời gian vay, từ ngày 19/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/9/2023) là 08 tháng 01 ngày. Cụ thể: 440.0000.000 đồng $\times$ 1,6% $\times$ 08 tháng 01 ngày, thành tiền là 56.343.500 đồng.

2.3 Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Nguyên đơn khai khi vay nợ chỉ ông T là người trực tiếp đi vay và mục đích làm ăn riêng, gia đình không biết nên chỉ yêu cầu mình ông T thanh toán nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn được xem xét tại phiên tòa, xác định ông T là người trực tiếp vay nợ của bà H và bà H chỉ yêu cầu một mình ông T thanh toán nợ nên chỉ buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà H là phù hợp.

2.4 Về Hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp: Khi bà H và ông T giao kết hợp đồng vay tài sản, ông T có thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 514, tờ bản đồ 34 số sổ phát hành BM 658582, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03101 do UBND huyện Hớn Quản cấp ngày 03/4/2013 đứng tên ông T V T, bà L T L, để đảm bảo cho khoản vay. Tuy nhiên, bà H chỉ yêu cầu ông T thanh toán tiền vay và lãi mà không yêu cầu xử lý về tài sản thế chấp. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông

T thể chấp quyền sử dụng đất nhằm đảm bảo số tiền vay, chỉ ghi trong hợp đồng vay mà không được công chứng là vi phạm quy định tại Điều 500 và Điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015, vi phạm Khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013. Vì vậy, hợp đồng này không hợp pháp nên vô hiệu; bà H không yêu cầu giải quyết xử lý tài sản thế chấp nên không giải quyết. Hiện bà H đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 514, tờ bản đồ 34 số sổ phát hành BM 658582, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03101 do UBND huyện Hớn Quản cấp ngày 03/4/2013 đứng tên ông T V T, bà L T L, nên buộc bà H hoàn trả lại cho ông T.

[3] *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:* Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự có giá ngạch:* Ông T V T phải chịu án phí theo quy định. Bà H không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà H.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 228 và các Điều 264, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 398, 407, 463, 466, 468, 500 và 502 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T T T H.

1. Buộc ông T V T có nghĩa vụ thanh toán cho bà T T T H số tiền 440.000.000 (*Bốn trăm bốn mươi triệu*) đồng trong hợp đồng vay tài sản và 56.343.500 (*Năm mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm đồng*) đồng tiền lãi. Tổng cộng 496.343.500 (*Bốn trăm chín mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm*) đồng.

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 514, tờ bản đồ 34 số sổ phát hành BM 658582, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03101 do UBND huyện Hớn Quản cấp ngày 03/4/2013 đứng tên ông T V T, bà L T L để đảm bảo cho khoản vay trong hợp đồng vay tài sản ngày 19/01/2023 giữa bà T T T H và ông T V T vô hiệu. Bà T T T H không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nên không giải quyết. Buộc bà T T T H hoàn trả lại cho ông T V T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 514, tờ bản đồ 34 số sổ phát hành BM 658582, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03101 do UBND huyện Hớn Quản cấp ngày 03/4/2013 đứng tên ông T V T, bà L T L.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Ông T V T phải chịu 23.854.000 (Hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi tư ngàn) đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Bà T T T H không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản hoàn trả lại cho bà T T T H số tiền 10.800.000 (Mười triệu tám trăm ngàn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0014689 ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà T T T H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông T V T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L T L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

